

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày: 13 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH
DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 20/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955; HKTT: 626 Nguyễn Chí Thanh, tổ 17, Khu 3, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thân Thị Thu P, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 18-20 đường số 02, khu phố B, Khu nhà ở H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo uỷ quyền theo Văn bản uỷ quyền ngày 25/10/2021. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang Tiến Đ, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1973.

Cùng HKTT: 1500/65/11 Đường Đ, tổ 3, Khu 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2021, bảng tự khai và quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thân Thị Thu P trình bày:

Năm 2019, ông Nguyễn Văn L có cho ông Nguyễn Quang Tiến Đ cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thanh X vay tiền nhiều lần và đến ngày 14/5/2020 thì hai bên chốt lại tổng số tiền vay là 5.373.000.000 gồm hai khoản

Khoản 1 là số tiền 2.665.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 30 ngày, có viết giấy nhận tiền cùng ngày, việc cho vay có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, không thế chấp tài sản gì

Khoản tiền thứ hai là số tiền 2.708.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 30 ngày, có viết giấy nhận tiền cùng ngày, việc cho vay có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, không thế chấp tài sản gì

Giấy nhận tiền chỉ có ông Đ là người ký tên và nhận tiền nhưng thực chất là ông L cho cả hai vợ chồng ông Đ bà X cùng vay tiền và nhận tiền, việc ông Đ nhận tiền bà X đều biết.

Tổng số tiền ông Đ bà X đã mượn ông L là 5.373.000.000đồng. Đến nay số tiền vay đã quá hạn nhưng ông Đ, bà X vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L

Do đó ông L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Thanh X có trách nhiệm trả số tiền là 5.373.000.000đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tổng Đ được các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Thanh X, do ông Đ bà X thường xuyên vắng nhà. Theo xác nhận của Công an phường Định Hòa ngày 09/3/2022 xác định ông Nguyễn Quang Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Thanh X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 1500/65/11 Đ, tổ 3, Khu 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng thường xuyên đi vắng. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi ở của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Đ và Trụ sở Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp được chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật Tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Đ bà X đã được Tòa án triệu tập,

tổng Đ hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở một phần, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Thanh X, bị đơn ông Đ bà X có nơi cư trú tại phường Đ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Căn cứ Biên bản xác minh tại Công an phường Đ ngày 09/3/2022 xác định ông Nguyễn Quang Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Thanh X có hộ khẩu thường trú tại phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định nhưng ông Nguyễn Quang Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Thanh X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Giấy nhận tiền ngày 14/5/2020 thể hiện ông Nguyễn Quang Tiến Đ có nhận của ông Nguyễn Văn L số tiền 2.708.000.000đồng, hẹn trong thời hạn vay 30 ngày sẽ hoàn trả đủ, giấy nhận tiền có chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay của ông Nguyễn Quang Tiến Đ. Đồng thời, phía dưới Giấy nhận tiền còn có dòng chữ “đã sang giấy nợ ngày 22/9/2019 và ngày 03/10/2019”. Đối với Giấy nhận tiền cùng ngày 14/5/2020 thể hiện người nhận tiền là ông Nguyễn Quang Tiến Đ đối với số tiền 2.665.000.000đồng, có chữ ký dấu lấn tay của ông Đ, thời hạn vay là 30 ngày.

[3] Nguyên đơn xác định việc Giấy nhận tiền chỉ có ông Đ là người ký tên và nhận tiền nhưng thực chất là nguyên đơn cho cả hai vợ chồng ông Đ bà X cùng vay tiền và nhận tiền, các lần ông Đ nhận tiền bà X đều biết nhưng do không có chứng cứ chứng minh nên không thể cung cấp cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án do ông Đ, bà X vắng mặt nên Tòa án không tiến hành đối chất làm rõ việc vay tiền, nhận tiền là của cá nhân ông Đ hay của vợ chồng ông Đ, bà X. Tòa án đã tổng Đ niêm yết các văn bản tố tụng theo thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến hai Giấy mượn tiền cùng ngày 14/5/2020 và thông báo ông Đ bà X về việc có yêu cầu giám định chữ ký chữ viết nhưng ông Đ, bà X vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét thỏa thuận tại hai giấy vay tiền cùng ngày 14/5/2020 là phù hợp các quy định tại Điều

465, Điều 466 Bộ luật Dân sự; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn thì giữa ông L và ông Đ đã có việc vay tiền nhiều lần từ năm 2019 (thể hiện cuối dòng của Giấy mượn tiền) và được hai bên chốt lại tổng số tiền đến ngày 14/5/2020 là 5.373.000.000đồng nên có căn cứ xác định ông Nguyễn Quang Tiến Đ có vay của ông Nguyễn Văn L tổng số tiền 5.373.000.000đồng theo hai giấy mượn tiền cùng ngày 14/5/2020, thời gian vay là 30 ngày nhưng cho đến nay ông Đ vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn ông L nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Việc nguyên đơn cho rằng đây là khoản vay của vợ chồng ông Đ bà X vì những lần giao tiền đều có mặt bà X nên buộc bà X có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ trên nhưng nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Hai giấy nhận tiền đều không có chữ ký chữ viết của bà X, nội dung cũng không thể hiện thông tin liên quan đến bà X hay mục đích ông L vay tiền để sử dụng chung cho vợ chồng do đó không có căn cứ buộc bà X phải liên đới thanh toán cho ông L số tiền trên.

[5] Từ phân tích trên, xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang Tiến Đ phải thanh toán số tiền nợ đã vay là 5.373.000.000đồng; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X về việc buộc bà X có trách nhiệm liên đới với ông Nguyễn Quang Tiến Đ để thanh toán số tiền trên cho ông Nguyễn Văn L.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang Tiến Đ phải chịu theo quy định. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 464 và 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Quang Tiến Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn L số tiền nợ gốc theo hai giấy vay tiền ngày 14/5/2020 là 5.373.000.000đồng (Năm tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh X về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải liên đới với ông Nguyễn Quang Tiến Đ thanh toán số tiền 5.373.000.000đồng (Năm tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang Tiến Đ phải chịu số tiền 131.373.000đồng (một trăm ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 56.686.000đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000545 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duy Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duy Nhân

